

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 06 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị;

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Trần Thúy H1, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh K; cùng địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thúy H1 được quyền sử dụng đất với diện tích 357,8m² theo ranh giới, mốc giới: phía Đông giáp đất đường tỉnh 585: 0,92m, giáp đất ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T dài: 8,31m + 17,26m + 14,43m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Minh K dài 8,19m; phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Minh K dài 30,62m + 7,68m; phía Bắc giáp đường tỉnh 585 dài 0,23m + 9,55m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 861346, thửa đất số 794, tờ bản đồ số 69, cấp ngày 02/7/2021; địa chỉ thửa đất: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị mang tên Nguyễn Văn H, Trần Thúy H1).

- Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng đất với diện tích 2549,5m² theo ranh giới, mốc giới: phía Đông giáp đường đất dài: 8,87m + 28,11m + 18,90m + 23,57m; phía Nam giáp đường đất dài 33,28m; phía Tây giáp

đất ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh K dài 32,69m + 1,76m và giáp đất ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thúy H1 dài 14,43m + 17,26m + 8,31m; phía Bắc giáp đường tỉnh 585 dài: 34,05m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00290 cấp ngày 12/6/1998; thửa đất số 311; tờ bản đồ số 22 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H2 (để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T) địa chỉ thửa đất xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị);

- Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Minh K được quyền sử dụng đất với diện tích 1.196,4m² theo ranh giới, mốc giới: phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T: 32,69m + 1,76m; phía Nam giáp đường đất dài: 21,76m + 7,95m; phía Tây giáp đường bê tông dài: 5,90m + 4,20m + 11,99m; phía Bắc giáp đất bà H3 dài 23,01m; phía Tây giáp đất bà H3 dài: 14m, phía Nam giáp đất bà H3 dài 10,29m; phía Tây giáp đất bà H3 dài: 29,35m + 8,17m; phía Bắc giáp đường tỉnh 585 dài: 10,52m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 198059 ngày 12/7/2017, tờ bản đồ số 69, số thửa 750).

- Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo thỏa thuận nêu trên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 861346, thửa đất số 794, tờ bản đồ số 69, cấp ngày 02/7/2021; địa chỉ thửa đất: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị mang tên Nguyễn Văn H, Trần Thúy H1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00290 cấp ngày 12/6/1998; thửa đất số 311; tờ bản đồ số 22 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H2 (để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T) địa chỉ thửa đất xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 198059 ngày 12/7/2017, tờ bản đồ số 69, số thửa 750. Kèm theo Sơ đồ kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 05/6/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Về án phí: nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số BLTU/2023/0000070 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông L, bà T đã nộp đủ án phí.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thúy H1 thỏa thuận chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thúy H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Quý